

Bản án số: **82/2022/HS-PT**

Ngày 09 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

*Các thẩm phán:* Bà Tăng Thị Thúy Nga.  
Ông Nguyễn Thành Hữu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đào Tiến Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2022/TLPT-HS ngày 13-7-2022 đối với bị cáo Trần Văn Tại do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2022/HS-ST ngày 11-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh ST.

***- Bị cáo có kháng cáo:*** Trần Văn T, sinh năm: 1959 tại: huyện M, tỉnh ST; Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn P, sinh năm 1934 (c) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1937 (c); có vợ: Trần Thị L, sinh năm 1969 và có 05 người con (Lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2006) Tiền án: không, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2021, cho đến nay. (Có mặt).

***- Bị hại:*** Hoàng Phương K, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST (có mặt)

***- Người làm chứng:***

1. Ông Hoàng P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST (có mặt)

2. Ông Trần V, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST (có mặt)

3. Ông Trần H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST (có mặt)

4. Ông Trần T2, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh ST (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T và gia đình Hoàng P có mâu thuẫn từ trước nên vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 07/6/2014, khi con chó của ông T chạy trên bờ giữa đất của P đến gần nhà của P thì P cầm trên tay một cây dầm rượt đánh con chó của ông T. Thấy vậy, ông T đứng bên bờ đối diện và nói “*Mày làm gì đánh con chó tao*”, P mới trả lời: “*Ông có nội mày tao còn đập nữa*”, thì bị cáo và P xảy ra cự cãi qua lại với nhau. Lúc này, P cũng cầm cây dầm đi bờ đối diện với bờ của bị cáo đang đi, rồi lượm đất chọi qua bờ của bị cáo, thì bị cáo lượm đất chọi lại nhưng không trúng ai cả. Khi bị cáo đi gần đến cua quẹo về nhà (*gần đến góc cột điện*), thì bị cáo thấy Hoàng Phương K là em ruột của Bằng, từ chòi giữ tôm ở trên ruộng chạy về hướng của P đang đi (*cùng bờ với Bằng*). Khi K chạy đến thì P cầm cây dầm chạy trước, K chạy sau lưng của P, lúc này có ông Hoàng TK (*cha ruột của Hoàng Phương K và Hoàng P*) cũng có cầm cây chạy phía sau, chạy qua bờ ngang của hầm ương tôm về hướng bị cáo T đang đi. P cầm cây dầm chạy trước, K chạy giữa và ông TK cầm cây chạy sau cùng. Khi bị cáo đi đến góc bờ chỗ cây cột điện, thì hai bên giáp mặt nhau. Lúc này, bị cáo mới đứng lại, thì P, K và bị cáo cự cãi, xô xát đánh nhau. Trong lúc đánh nhau bị cáo bị đánh trúng 01 cây vào vùng đầu, thì bị cáo chụp được cây dầm dẫn co qua lại với P dẫn tới bị cáo và P bị ngã xuống ruộng của K và cây dầm bị gãy làm đôi. Lúc này, bị cáo cầm được khúc mái dầm gãy (đoạn gỗ mái dầm đẹp có tổng chiều dài 47cm, một đầu rộng 08cm, dày 01cm, đầu còn lại bị tưa rộng 07cm, dày 1,7cm), thì K cũng từ trên bờ nhảy xuống ruộng nơi bị cáo và P đang đứng thì bị bị cáo cầm khúc mái dầm gãy đánh trúng 01 cái vào vùng mắt trái của Khanh gây thương tích. Sau khi đánh xong thì bị cáo bỏ khúc mái dầm lại tại chỗ, rồi bỏ chạy leo lên bờ đi về nhà. Lúc này, P cầm khúc cán dầm rượt theo bị cáo để đánh nhưng không kịp rồi bỏ khúc cán dầm lại đó và quay lại kè K vô nhà rồi đưa đi Bệnh viện, còn bị cáo thì vừa lên bờ đi qua khỏi góc cột điện, lúc này con của bị cáo là Trần H vừa đi ra đến gặp bị cáo nên kè bị cáo vô nhà và sau đó bị cáo đến Công an xã Q trình báo sự việc, rồi đi Bệnh viện đa khoa huyện T, tỉnh ST để điều trị vết thương ở vùng đầu. Còn Hoàng Phương K bị thương ở vùng mắt trái được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh ST cấp cứu và điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 245/TgT-PY ngày 28/11/2014, của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể của Hoàng Phương K do thương tích gây nên là 54%; Tổn thương vùng mặt để lại sẹo và mù mắt trái, ảnh hưởng trung bình đến thẩm mỹ vùng mặt.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 243/TgT-PY ngày 28/11/2014, của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể của Trần Văn T do thương tích gây nên là 02%; Tổn thương không ảnh hưởng thẩm mỹ.

Tại Bản kết luận giám định số: 157/19/TgT, ngày 03/10/2019 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Các tổn thương vùng mặt của Hoàng Phương K là do vật tày có cạnh tác động trực tiếp vào vùng mặt gây nên; Khúc mái dằm mẫu vật gửi giám định được mô tả chi tiết, có thể gây ra được thương tích trên vùng mặt của Hoàng Phương K; Khúc gỗ mẫu vật gửi giám định được mô tả chi tiết, ít có khả năng gây ra được thương tích vùng trên gốc mũi và dưới cung mày trái của Hoàng Phương K.

Tại bản kết luận giám định số:1243/C09B, ngày 08/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Khúc mái dằm và đoạn gỗ gửi giám định nếu tác động lên cơ thể người gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

Tại bản kết luận giám định số: 2277/C09, ngày 07/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Thương tích vùng mặt của Hoàng Phương K có đặc điểm phù hợp do vật tày tác động có chiều hướng từ trước ra sau. Do thương tích đã lâu, tổn thương trải qua quá trình điều trị và lành thương tự nhiên, dấu vết sẹo để lại không đủ đặc điểm để xác định cụ thể thương tích của Hoàng Phương K do đoạn mái dằm hay đoạn gỗ gây ra.

Về vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỹ Xuyên đã thu giữ, hiện còn quản lý gồm: 01 (một) Đoạn gỗ có tổng chiều dài 86cm, một đầu rộng 04cm, dày 03cm, đầu còn lại rộng 04cm, dày 3,5cm; 01 (một) Đoạn gỗ mái dằm dẹp có tổng chiều dài 47cm, một đầu rộng 08cm, dày 01cm, đầu còn lại bị tưa rộng 07cm, dày 1,7cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 11-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Tại phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều

theo luật số 12/2017/QH14; khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T **03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại Hoàng Phương K. Buộc bị cáo Trần Văn T phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Hoàng Phương K số tiền là 56.816.500 Đồng.

- Tiếp tục quản lý số tiền 2.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số 000695 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án huyện M để đảm bảo thi hành án.

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại Hoàng Phương K có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Trần Văn T còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với số tiền mất sức lao động và tiền phục hồi sức khỏe sau khi bị thương tích mà bị hại Hoàng Phương K yêu cầu bị cáo Trần Văn T.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Đến ngày 24/5/2022 bị cáo Trần Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, bị cáo bị oan:

- Bị cáo chỉ tự vệ do phía bị hại Hoàng Phương K và Hoàng P ức hiếp, nhiều lần đánh bị cáo (Lần 1: ngày 03/10/2006 - có bản án dân sự; ngày 07/6/2014 bị P, K và TP đánh nằm viện điều trị 10 ngày; Lần 3: P cầm dao rượt chém đã bị Công an mời làm việc; Lần 4: ngày 11/12/2016 P tiếp tục rượt đánh và bị cáo nằm viện điều trị 03 ngày). Sự việc xảy ra ngày 07/6/2014 hai bên cũng có hòa giải ở xã nhưng K đưa ra yêu cầu bồi thường tiền thuốc 6.000.000 đồng, sau khi cân trừ K yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo trả cho K thêm 5.000.000 đồng nên bị cáo không đồng ý.

- Từ ngày 07/6/2014 đến ngày 20/10/2021 có 04 bản kết luận giám định nhưng nội dung không rõ ràng: Bản số 245 ngày 28/7/2014 của Trung Tâm pháp

y tỉnh Sóc Trăng xác định Hoàng Phương K bị mù mắt trái do tổn thương thần kinh thị giác không phục hồi; tại các bản kết luận số 157/19/TgT, ngày 03/10/2019; bản kết luận giám định số 1243 ngày 08/3/2021 và kết luận giám định số 2277 ngày 07/5/2021 lại kết luận thương tích lành tự nhiên.

- Bản án sơ thẩm không xem xét toàn diện vụ việc, từ khi sự việc xảy ra ngày 07/6/2014 việc điều tra xét xử không xem xét đến hành vi trái pháp luật của Hoàng P, Hoàng Phương K và Hoàng P là người đánh bị cáo nhưng lại xác định là người làm chứng là không đúng, không khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại bị cáo bị oan, bị cáo đánh Hoàng P là do bị cáo tự vệ để thoát thân, cấp sơ thẩm xử bị cáo 03 năm tù là không công bằng cho bị cáo vì phía bị hại đã nhiều lần đánh bị cáo, bị cáo chỉ đánh lại để thoát thân chứ bị cáo không có tội.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Theo lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng và kết quả điều tra thì cấp sơ thẩm đánh giá chưa khách quan, bản án nhận định áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự và bản án áp dụng nhiều căn cứ nhưng không rõ áp dụng điều khoản nào; không áp dụng về tình tiết chống trả lại sự tấn công của phía bị hại. Ngoài ra, Hoàng P đã nhiều lần đánh bị cáo gây ức chế về tinh thần từ năm 2006 đến nay từ đó chứng minh hành vi của bị cáo là tự vệ chính đáng. Đồng thời, cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm vì bị cáo bị phía bị hại tấn công ngay tức khắc và có dùng hung khí gây thương tích cho bị cáo 02% vào ngày 07/6/2014 và sự việc này phải giải quyết cùng vụ án không thể tách rời, để đảm bảo không oan, không bỏ lọt tội phạm và Hoàng P với Hoàng P cũng phải bị xử lý theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 355 và 358 của Bộ luật tố tụng hình sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra và xét xử lại vụ án.

- Bị hại trình bày: Bị hại thống nhất với bản án sơ thẩm không đồng ý theo kháng cáo của bị cáo và lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo vì bản án sơ thẩm đã xử đúng người đúng tội.

- Vị đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước trình bày quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo và thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo được lập và nộp tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh ST vào ngày 24/5/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo được quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ

luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 07/6/2014 bị cáo Trần Văn T có xảy ra cự cãi với hai anh em Hoàng P và Hoàng Phương K. Trong lúc cự cãi thì Hoàng P có cầm cây dầm bằng gỗ xô xát, đánh nhau với bị cáo Tại làm bị cáo Tại bị thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể qua giám định là 02%. Khi bị cáo T xô xát đánh nhau với Hoàng P và K thì bị cáo và Hoàng P bị té ngã xuống ruộng của Hoàng P, làm cây dầm bằng gỗ bị gãy làm hai đoạn, khi cây dầm vừa gãy thì K từ trên bờ nhảy xuống ruộng nơi Bằng và bị cáo T đang đứng thì bị cáo T mới cầm đoạn gỗ mái dầm gãy dài khoảng 47cm đánh 01 cái trúng vào vùng mắt trái của Hoàng Phương K gây thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể qua giám định là 54%. Nhưng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là tự vệ để thoát thân chứ không phạm tội, không cố ý gây thương tích cho Hoàng Phương K. Xét thấy, qua kết quả điều tra cũng như lời khai của bị cáo, bị hại thì giữa bị cáo và phía bị hại đã có mâu thuẫn với nhau từ trước và cũng có đánh nhau, vào ngày 07/6/2014 thì giữa bị cáo và phía Hoàng P và Hoàng Phương K có cự cãi với nhau sau đó dẫn đến đánh nhau và phía bị hại là người dùng cây dầm đánh bị cáo trước, mặc dù quá trình điều tra chưa chứng minh được thương tích của bị cáo là do Hoàng P hay Hoàng Phương K là người trực tiếp gây ra nhưng có cơ sở chứng minh bị cáo là người bị phía bị hại dùng hung khí đánh trước. Do hành vi của bị cáo gây thương tích cho bị hại là do đã có mâu thuẫn, cự cãi với nhau rồi dẫn đến đánh nhau gây thương tích, hành vi của bị cáo dùng khúc dầm là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng mắt của bị hại là vùng nguy hiểm của cơ thể dẫn đến bị hại bị mù mắt trái và tổn hại sức khỏe 54% là hành vi cố gây thương tích chứ không phải tự vệ vì bị cáo có thể đánh vào những vùng khác trên cơ thể không gây nguy hiểm cho bị hại nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác là phù hợp với pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo bị oan với các lý do là do Hoàng P và Hoàng Phương K ức hiếp, đánh bị cáo nhiều lần; bị cáo không đồng ý với tỷ lệ thương tích của Hoàng Phương K là 54% vì sau khi sự việc xảy ra hai bên có tiến hành hòa giải tại Công an xã Q, huyện M thì Hoàng Phương K vẫn đi lại, lao động làm ăn bình thường, K đưa ra yêu cầu bồi thường tiền thuốc là 6.000.000 đồng hai bên cân trừ 3.000.000 đồng K yêu cầu bồi thường thêm 2.000.000 đồng là 5.000.000 đồng nhưng bị cáo không đồng ý; Các bản kết luận có nội dung không rõ ràng vì tại bản kết luận số 245 ngày 28/11/2014 của trung tâm giám định tỉnh ST xác định K bị mù mắt do tổn thương thần kinh thị giác nhưng tại bản giám định số 157/19/TgT ngày 03/10/2019; kết luận 1243 ngày 08/3/2021 và bản kết luận số 2277 ngày 07/5/2021 lại kết luận thương tích lành tự nhiên. Đồng thời cấp sơ thẩm không xem xét đến hành vi của Hoàng P đã đánh bị cáo. Xét thấy:

[3.1] Xét lý do bị cáo cho rằng bị cáo đánh Hoàng Phương K là do phòng vệ chính đáng vì Hoàng P và Hoàng Phương K ức hiếp, đánh bị cáo nhiều lần. Xét thấy, giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước và cũng có đánh nhau, trước đây Hoàng P đánh bị cáo thì cũng đã được giải quyết xong. Tuy nhiên, vào ngày 07/6/2014 chỉ vì sự việc nhỏ là việc con chó của bị cáo chạy qua đất của bị hại nên hai bên cự cãi và dẫn đến đánh nhau, qua kết quả điều tra thấy rằng thương tích của bị hại là do chính bị cáo gây ra và như đã phân tích trên thì hành vi của bị cáo là cố ý gây thương tích chứ không phải tự vệ.

[3.2] Xét lý do bị cáo không đồng ý với kết luận thương tích của Hoàng Phương K là 54%, vì bị cáo chỉ rằng sau khi sự việc xảy ra thì K vẫn đi lại, lao động làm ăn bình thường; các kết luận giám định có mâu thuẫn do tại bản kết luận giám định thương tích bản kết luận số 245 ngày 28/11/2014 của trung tâm giám định tỉnh ST xác định Khanh bị mù mắt do tổn thương thần kinh thị giác nhưng các bản giám định khác thì thể hiện thương tích lành tự nhiên. Xét thấy, Kết quả giám định pháp y là kết luận của cơ quan chuyên môn dựa trên giấy chứng nhận thương tích và kiểm tra vết thương của bị hại mà kết luận. Còn các kết luận giám định 157/19/TgT ngày 03/10/2019; kết luận 1243 ngày 08/3/2021 và bản kết luận số 2277 ngày 07/5/2021 là các giám định cơ cấu hình thành vết thương cũng như kết luận về vật gây thương tích, việc vết thương qua thời gian điều trị, cũng như sự lành tự nhiên là bình thường không có gì mâu thuẫn. Bị cáo, không đồng ý với tỷ lệ thương tích của bị hại nhưng không có gì chứng minh là kết quả giám định đối với Hoàng Phương K là không chính xác để yêu cầu giám định lại nên không có cơ sở để xem xét lý do này của bị cáo Trần Văn T.

[3.3] Đối với lý do bị cáo cho rằng Hoàng P là người đánh bị cáo gây thương tích nhưng Tòa án không xem xét hành vi của Hoàng P mà xác định Hoàng P là người làm chứng là không khách quan. Xét thấy, quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa đủ chứng cứ chứng minh thương tích của bị cáo là do Hoàng P hay Hoàng Phương K gây ra và cho rằng đến thời điểm hiện tại thương tích của bị cáo đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Do Viện kiểm sát không truy tố để xét xử trước Tòa đối với Hoàng P và theo quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự thì “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử”. Do Hoàng P và Hoàng Phương K không bị Viện kiểm sát truy tố và khi sự việc xảy ra có Hoàng Phương Bằng là người trực tiếp chứng kiến nên xác định Hoàng P là người làm chứng là có căn cứ. Đồng thời, đối với thương tích của bị cáo Trần Văn T do phía bị hại dùng hung khí nguy hiểm gây ra nên cấp sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M tiếp tục điều tra làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặc ra xem xét mà khi nào có kết quả điều tra sẽ xử lý sau.

[4] Xét trách nhiệm dân sự: Thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra và chi phí điều trị là có thật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; căn cứ bảng kê khai các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại và hóa đơn, chứng từ do người bị hại cung cấp buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại các khoản chi phí:

[4.1] Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa của người bị thiệt hại bao gồm: Tiền thuê phương tiện đưa đi cấp cứu 3.120.000 đồng. Tiền thuốc và các thiết bị phục vụ y tế theo toa vé của bác sĩ là 16 toa vé hợp lệ mà bị hại Hoàng Phương K cung cấp là 5.636.500 đồng. Tổng cộng 8.756.500 đồng.

[4.2] Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại và người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị theo giấy chứng nhận thương tích 14 ngày là: 14 ngày x 120.000 đồng x 2 người = 3.360.000 đồng.

[4.3] Do bị hại Hoàng Phương K bị tổn thương cơ thể là 54% nên Hội đồng xét xử ấn định khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 30 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử. Do đó, Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm người bị thiệt hại Hoàng Phương K là: 30 x lương cơ sở là 1.490.000đ/ tháng = 44.700.000 đồng.

[4.4] Tổng cộng các khoản chi phí bồi thường thiệt hại là: 56.816.500 đồng. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại về trách nhiệm dân sự chỉ đồng bồi mức bồi thường theo biên bản hòa giải ở xã. Xét thấy, bị cáo gây thương tích cho bị hại cũng có một phần lỗi của bị hại nên bị hại cũng phải chịu trách nhiệm một phần đối với thương tích của mình nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần trách nhiệm bồi thường cho bị cáo theo Điều 585 của Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo có trách nhiệm 80% trên tổng số tiền phải bồi thường mà cấp sơ thẩm đã quyết định, cụ thể bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo 45.453.200 đồng.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng Hoàng P và bị hại Hoàng Phương K thừa nhận Hoàng P là người cầm cây dầm đưa cho Hoàng Phương K đánh bị cáo trước và cũng đồng ý bồi thường theo quy định pháp luật nếu có yêu cầu. Do thiệt hại của bị cáo chưa yêu cầu và cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho bị cáo để yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe đối với phía bị hại theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng bị cáo kháng cáo khiếu oan cho rằng bị cáo không có tội là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo khiếu oan của bị cáo.

[6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng cần xem xét lại cho bị cáo sự việc xảy ra là do mâu thuẫn, cự cãi và đánh nhau giữa bị cáo và phía bị hại mặc dù thương tích của bị cáo chưa chứng minh được là do Hoàng P hay Hoàng Phương K gây ra vì bị cáo cho rằng Hoàng P là người trực tiếp đánh bị cáo; còn Hoàng P và Hoàng Phương K thì cho rằng do Hoàng Phương K là người dùng cây dầm đánh bị cáo, nhưng đủ cơ sở chứng minh bị cáo là người bị phía bị hại dùng cây dầm là loại hung khí nguy hiểm đánh vào đầu gây thương tích 02% trước, tại phiên tòa Hoàng P cũng khai nhận chính P là người lấy cây dầm đưa cho Hoàng Phương K đánh bị cáo T; hung khí bị cáo Tại sử dụng để đánh bị hại Hoàng Phương K cũng là đoạn dầm bị gãy của phía bị hại đem đến để đánh bị cáo nên hành vi phạm tội của bị cáo là do bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ ở điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để



giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do tình tiết giảm nhẹ này chưa được cấp sơ thẩm áp dụng. Đồng thời, do bị cáo bị xử phạt mức hình phạt không quá 03 năm tù, có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoảng 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); có nơi cư trú rõ ràng và hiện nay bị cáo cũng đã trên 60 tuổi. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, theo hướng dẫn của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo Trần Văn Tại là 04 năm kể từ ngày 09/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách bị cáo Trần Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của vị Kiểm sát viên về việc áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm và cho bị cáo hưởng án treo.

[6] Đề nghị của luật sư về việc hủy án sơ thẩm là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận như đã phân tích trên.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Bị cáo là người bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí. Tuy nhiên do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12; điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo được miễn toàn bộ án phí.

[9] Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa và bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 2 Điều 12; d khoản 2 Điều 23 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn T. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 11-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh ST.

2. Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, điểm s và điểm e Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; tiêu mục 1.1 mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T: 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày 09/9/2022.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh ST để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Trần Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 357, Khoản 1 Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Hoàng Phương K tổng số tiền là 45.453.200 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Hoàng Phương K có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Trần Văn T còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Chi cục Thi hành án huyện M tiếp tục quản lý số 2.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 000695 ngày 28/10/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện M để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau 01 (một) Đoạn gỗ có tổng chiều dài 86cm, một đầu rộng 04cm, dày 03cm, đầu còn lại rộng 04cm, dày 3,5cm; 01 (một) Đoạn gỗ mái dầm đẹp có tổng chiều dài 47cm, một đầu rộng 08cm, dày 01cm, đầu còn lại bị tưa rộng 07cm, dày 1,7cm.

5. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên (2 bản);
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- CQĐT - Công an huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo; BH;
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Tôn Thị Thanh Thúy**